

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN NGHĨA HÀNH
TỈNH QUẢNG NGÃI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập- Tự do- Hạnh phúc**

Bản án số: 22/2019/HNGĐ- ST

Ngày: 23 – 10 - 2019

“V/v: Ly hôn, nuôi con

chung khi ly hôn”

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN NGHĨA HÀNH, TỈNH QUẢNG NGÃI**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Hải Nam.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Nga.

2. Ông Trần Ngọc Vinh.

Thư ký tòa án: Ông Trần Tiến Dũng - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Nghĩa Hành, tỉnh Quảng Ngãi.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Nghĩa Hành: Bà Hoàng Thị Thương Huyền – Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 10 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Nghĩa Hành, tỉnh Quảng Ngãi xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 72/2019/TLST- HNGĐ, ngày 25 tháng 6 năm 2019, về “Ly hôn, nuôi con chung” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 24/2019/QĐXXST- HNGĐ, ngày 04 tháng 10 năm 2019, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Mai Thị N, sinh năm: 1979. (Có mặt)

Địa chỉ: Số nhà 633, Đường Q, thị trấn E, huyện E, tỉnh Gia Lai.

- *Bị đơn:* Anh Nguyễn Đức C, sinh năm: 1977. (Có mặt)

Địa chỉ: Thôn R, xã Y, huyện U, tỉnh Quảng Ngãi.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo đơn khởi kiện đề ngày 18 tháng 6 năm 2019, bản tự khai và tại phiên tòa chị Mai Thị N trình bày: Tôi và ông Nguyễn Đức C tự nguyện yêu thương nhau, ngày 04/6/2007 chúng tôi đăng ký kết hôn UBND xã Y, huyện U, tỉnh Quảng Ngãi. Trong quá trình chung sống, vợ chồng phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân do ông C không chăm lo làm ăn, thường xuyên uống rượu bia, không quan tâm đến gia đình. Từ đó, vợ chồng thường xuyên cãi vã nhau. Vợ chồng sống ly thân nhau từ tháng 05/2019 cho đến nay. Nay tôi thấy tình cảm vợ chồng không còn, nên tôi yêu cầu được ly hôn đối với ông C.

- Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung là các cháu Nguyễn Đức Nhật Anh H, sinh ngày: 21/6/2006 và cháu Nguyễn Mai Trâm A, sinh ngày: 07/9/2015; khi ly hôn tôi yêu cầu được nuôi hai con không yêu cầu anh C trợ cấp nuôi con.

- Tài sản chung: Không có; nợ chung: Không có.

* Tại phiên tòa anh Nguyễn Đức C trình bày: Tôi và cô N kết hôn năm 2007 đăng ký kết hôn tại UBND xã Y, huyện U trong thời gian chung sống vợ chồng không có mâu thuẫn lớn, không hiểu tại sao tháng 5/2019 cô N bỏ về huyện E, tỉnh Gia Lai sinh sống cho đến nay. Nay tôi không đồng ý ly hôn.

- Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung là các cháu Nguyễn Đức Nhật Anh H, sinh ngày: 21/6/2006 và cháu Nguyễn Mai Trâm A, sinh ngày: 07/9/2015; nếu Tòa án cho cô N ly hôn với tôi tôi đồng ý giao hai con cho cô N nuôi dưỡng, mỗi tháng tôi tự nguyện cấp dưỡng cho cháu A 1.000.000đ cho đến khi con tròn 18 tuổi.

- Tài sản chung: Không có; nợ chung: Không có.

* *Tại phiên tòa, Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phát biểu:* Về việc tuân thủ và chấp hành pháp luật: Tòa án thụ lý vụ án đúng quy định của pháp luật, Hội đồng xét xử đảm bảo quyền cho các đương sự. Về quan điểm giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 21; khoản 1 Điều 28; Điều 35; Điều 39; Điều 147; Điều 262 Bộ luật tố tụng dân sự; các Điều 56; Điều 81; Điều 82; Điều 83; Điều 107; Điều 110; Điều 116; Điều 117 Luật Hôn nhân và gia đình. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Mai Thị N. Tuyên xử chị Mai Thị N và anh Nguyễn Đức C được ly hôn.

- Giao hai con chung của vợ chồng chị N, anh C là các cháu Nguyễn Đức Nhật Anh H, sinh ngày 21/6/2006 và cháu Nguyễn Mai Trâm A, sinh ngày 07/9/2015 cho chị N nuôi dưỡng, giáo dục. Ghi nhận sự tự nguyện của anh C cấp dưỡng nuôi cháu A 1.000.000đ/tháng cho đến khi con tròn 18 tuổi.

- Tài sản chung: Không có; nợ chung: Không có.

Anh Nguyễn Đức C có quyền và nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được cản trở.

Chị Mai Thị N và anh Nguyễn Đức C phải chịu án phí DSST theo qui định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử thấy:

[1]. Về tố tụng: Tòa án nhân dân huyện U thụ lý, giải quyết yêu cầu “Ly hôn, nuôi con chung” là đúng theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Hội đồng xét xử thấy chị Mai Thị N và anh Nguyễn Đức C tự nguyện kết hôn và đăng ký kết hôn tại UBND xã Y, huyện U vào ngày 04 tháng 6 năm 2007 theo đúng qui định tại Điều 9 Luật Hôn nhân và Gia đình được UBND xã Y cấp giấy chứng nhận kết hôn là hôn nhân hợp pháp.

[3] Trong quá trình chung sống vợ chồng phát sinh mâu thuẫn do anh C không lo làm ăn, không quan tâm chăm sóc gia đình, chăm sóc chị N khi chị bị đau ốm, nên từ tháng 5/2019 vợ chồng chị N, anh C sống ly thân cho đến nay không còn quan tâm đến nhau nữa, chị N cương quyết xin ly hôn mặc dù anh C không đồng ý ly hôn, nhưng HĐXX thấy tình cảm giữa chị N và anh C không còn, hạnh phúc gia đình không đạt được nên cần cho chị N ly hôn anh C theo qui định tại Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình.

Chị Mai Thị N và anh Nguyễn Đức C có hai con chung là cháu Nguyễn Đức Nhật Anh H, sinh ngày 21/6/2006 và cháu Nguyễn Mai Trâm A, sinh ngày 07/9/2015 hiện nay hai cháu đang ở và học tập tại thị trấn E, huyện E, tỉnh Gia Lai cùng với chị N để đảm bảo về tình cảm, tinh thần, việc học tập Hội đồng xét xử thấy cần giao hai cháu cho chị N nuôi dưỡng, giáo dục. Ghi nhận sự tự nguyện của anh C cấp dưỡng nuôi cháu A 1.000.000đ cho đến khi con tròn 18 tuổi, thời gian tính từ ngày tuyên án.

Anh C được quyền đến thăm chăm sóc con chung không ai được quyền ngăn cản.

[4] Tài sản chung, nợ chung: Không có nên Hội đồng xét xử không xét.

[5] Về án phí: Chị Mai Thị N, anh Nguyễn Đức C phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại Khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Khoản 5, khoản 6 Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội về án phí, lệ phí.

Ý kiến của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện U phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

Vì những lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Khoản 1 Điều 28; điểm a Khoản 1 Điều 35; điểm a Khoản 1 Điều 39; Khoản 4 Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227; Điều 266; Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; Khoản 5, Khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án. Điều 56, Điều 81; Điều 82; Điều 83; Điều 84; Điều 107 Luật Hôn nhân và gia đình.

Tuyên bố: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Mai Thị N.

Tuyên xử: Chị Mai Thị N được ly hôn anh Nguyễn Đức C.

- Giao hai con chung là cháu Nguyễn Đức Nhật Anh H, sinh ngày 21/6/2006 và cháu Nguyễn Mai Trâm A, sinh ngày 07/9/2015, cho chị Mai Thị N nuôi dưỡng, giáo dục. Ghi nhận sự tự nguyện của anh Nguyễn Đức C cấp dưỡng nuôi cháu A mỗi tháng 1.000.000đ cho đến khi con tròn 18 tuổi, thời gian tính từ ngày 23/10/2019.

- Anh C được quyền đến thăm, chăm sóc con chung không ai được quyền ngăn cản.

- Tài sản chung, nợ chung: Không có.

Về án phí: Chị Mai Thị N phải chịu 300.000đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí dân sự sơ thẩm, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị N đã nộp theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: AA/2016/ 0004442 ngày 14 tháng 6 năm 2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện U.

Anh Nguyễn Đức C phải chịu 300.000đ án phí phần cấp dưỡng nuôi con.

Kể từ ngày bên được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức qui định tại Điều 357, Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có qui định khác.

Trường hợp bản án, Quyết định được Thi hành án theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật Thi hành án Dân sự.

Các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Quảng Ngãi;
- VKSND huyện U;
- Chi cục THADS huyện U;
- UBND xã Y;
- Các đương sự;
- Lưu HS, VT.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa

Phạm Hải Nam